
Ebook được làm theo tài liệu được phổ biến trên Website **CAODAIGIAOLY.NET**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tammnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỆN TÀI LÊ VĂN THÊM (Bạch Y)**, Ban phụ trách phổ biến kinh sách Website **CAODAIGIAOLY.NET** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 21/01/2016

Tâm Nguyên

TỤNG KINH CẦU LÝ

SỌAN GIẢ | BẠCH Y



MỤC LỤC

TỤNG KINH CẤU LÝ.....	9
▪ A. LÝ TRONG KINH.....	9
▪ B. KINH VÀ TÂM	14
▪ C. TỤNG KINH HIỂU LÝ ĐỂ TU.....	16





TÒA-THÁNH TÂY-NINH

TỤNG KINH CẦU LÝ

***Trích Biên khảo “TỤNG KINH”**

Tác giả: HT. Lê văn Thêm – tự Bạch Y

A. LÝ TRONG KINH

NƯỜI TỤNG KINH MÀ KHÔNG NẮM ĐƯỢC LÝ TRONG KINH TỨC CHÂN LÝ MÀ CÁC ĐĂNG THIÊNG LIÊNG MUỐN DẠY QUA LỜI KINH CÓ THỂ CÓ LỢI MÀ CŨNG CÓ HẠI.

Thông thường, tụng Kinh là một phương cách để tu. Người tụng Kinh chân quý, tay chấp do đó thân tịnh. Thân không làm điều xằng bậy hay ác độc mà ở trong tư thế sẵn sàng thể nhập thiện lành đó là không tạo nghiệp ác về thân. Thân nghiệp tránh được khi tụng Kinh thì khẩu nghiệp cũng thế. Người tụng Kinh miệng đọc lý chơn, lời mỹ, điều phải lẽ hay, tức khẩu hành ngôn thiện. Thân nghiệp và khẩu nghiệp đã nhờ tụng Kinh tránh được, nhưng ý nghiệp thì thế nào?

Người ta thường nói “*Tâm viên, ý mã*” có nghĩa vọng tâm của người thế gian chẳng khác nào một con khỉ, con vượn. Khỉ vượn không khi nào ngồi yên một chỗ mà chuyển từ cành này song cây khác. Vọng tâm người thế gian cũng vậy. Hết thương rồi ghét, hết vui rồi buồn,

thường chứa chấp lục dục thất tình hỷ nộ, ái ố, dục v.v. Chính thất tình lục dục đã làm cho con người luôn luôn năng động trên bước đường hướng về tội ác mà xa lìa chánh kiến chánh tư duy và cuối cùng là chánh đạo. Tâm thì như thế mà ý cũng không khác. Ý mã có nghĩa ý như một con ngựa, cứ chạy rong xuôi ngược, chẳng chịu dừng, chẳng chịu đứng yên. Như vậy, việc dừng ý nhằm dừng vọng tưởng, vọng tâm tức dừng nghĩ đến những điều độc ác, xấu xa để thanh tịnh cái ý của mình rất quan trọng và cần phải làm ngay. Đây là một bước để không tạo ra ý nghiệp.

Người tu, một khi đã tịnh được ý, thân và khẩu không còn tạo ra khẩu nghiệp, thân nghiệp và ý nghiệp thì từ đó bước đường trở về ngôi xưa cảnh cũ hay quy hồi cội vị đã rộng thênh thang.

Có câu:

*“Tam nghiệp hằng thanh tịnh,
Đông Phật vắng Tây Phương”.*

Nói thì dễ, nhưng thực hành lại khó. Thường thường người tu khi tụng Kinh, chân quỳ, tay chấp, miệng đọc là đã tịnh được thân và khẩu, nhưng ý thì khó tịnh hơn nhiều. Có người miệng vẫn tụng đọc nhưng ý nghĩ thì khi nhớ chuyện này, khi chuyện khác. Nếu tụng Kinh mà cứ thả ý chạy rong thì khác nào người muốn chặn tâm, chặn ý mà cứ để tâm ý phóng theo ngoại cảnh, để căn chạy theo trần sanh ra thức rồi từ đó tạo ra bao nhiêu ý nghiệp không lành. Do đó, khi tụng Kinh, điều quan trọng là phải luôn luôn giữ ý, giữ niệm. Niệm ở đây có nghĩa là nhớ.

Nhớ đây là nhớ gì. Đó là nhớ lý của Kinh, nhớ chân

lý qua lời dạy của các Đấng trong Kinh để từ đó luôn luôn giữ chánh niệm nhằm hành trì theo đúng ý Kinh. Chánh niệm ở đây được hiểu cuột cách nôm na là những lời dạy chân chánh mà ta hiểu rõ và ghi nhớ trong tâm, bây giờ muốn noi theo gương thành đạo của các Đấng, ta đọc để dâng lên các Đấng, trình với các Đấng rằng ta hiểu rõ ý nghĩa Kinh, chân lý mà các Đấng đã dạy và tâm ta nguyện noi theo chân lý này tức là Đạo để phản bổn hoàn nguyên. Chính với mục đích này mà Đức Hộ Pháp trong đêm 14 tháng 2 Mậu Tý (24-3-1948) thuyết pháp tại Đền Thánh có cho chúng ta biết rằng Ngài phải dùng Giác Ma Xứ để dâng niệm và ý của chúng ta vào tận Bát Quái Đài. Ngài nói:

“*Khi bài đàn rồi cả thầy quì tụng Kinh, còn Bản Đạo tịnh niệm, mỗi câu Kinh mà mấy em đọc vẫn dẽ, vì thuộc mà đọc thôi, riêng Bản Đạo mỗi câu Kinh phải mật niệm, tu hết nghĩa lý của nó dâng lên Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng. Rồi còn điều này rắc rối hơn hết, hễ khi nào cả thầy tụng rồi bài Kinh Chí Tôn hay bài Kinh Tam Giáo, khi Bản Đạo thấy nín hết, buổi đó đem hết tinh thần trụ lại, dâng lời mật niệm ấy vào Bát Quái Đài... Bản Đạo cuối đầu niệm thế cho cả thầy.*”

Qua lời thuyết pháp của Đức Hộ Pháp, người tu thấy lúc tụng Kinh, tâm và ý niệm rất quan trọng. Muốn cho tâm thể nhập với lời Kinh và niệm đúng với Chân Lý trong Kinh, người tu phải hiểu rõ lý của Kinh. Nói rõ hơn, tụng Kinh trước nhất là phải thấu hiểu ý nghĩa của Kinh, chân lý hay đạo lý mà Kinh dạy để miệng tụng tâm hành như thế mới diệu dụng được.

Trái lại, người tụng Kinh mà không hiểu rõ ý nghĩa của Kinh nhiều khi lại có hại. Tụng đọc Kinh nhiều mà không thấu lý đạt nghĩa, người tu dễ mệt mỏi và đó là một trong những nguồn gốc khai triển tâm sân. Ngoài ra, tụng đọc nhiều Kinh, người tụng đọc dễ sanh cống cao, tự cho rằng mình tu nhiều hơn người khác, cao hơn người khác và đôi khi lại xem thường người tụng Kinh ít hơn. Đây là một thứ bệnh tâm mà nhiều người tu thường mắc phải nếu thiếu tâm khiêm hạ và nếu tụng đọc Kinh nhiều nhưng không hiểu ý nghĩa và công dụng của Kinh.

Nghĩa thật sự của Kinh là cái lý tức chân lý mà các Đấng muốn dạy thông qua Kinh. Kinh giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Ngón tay không phải là chân lý mà mặt trăng mới thật là chân lý. Dù vậy, vẫn phải nhờ ngón tay chỉ mới lần theo hướng đó để thấy mặt trăng. Ngón tay hay Kinh giống như chiếc bè đưa khách từ bến mê bên này sang bờ giác bên kia. Chiếc bè chỉ là phương tiện thôi. Nếu người sang sông cứ ôm chiếc bè mà không chịu bước lên bên kia bờ giác thì cũng giống như người tụng Kinh không hiểu nghĩa và công dụng của Kinh, cứ ôm Kinh mà tụng đọc và không cần đạt lý để tu, chỉ vì nghĩ rằng càng tụng đọc nhiều càng tốt, càng tụng Kinh nhiều là mình đã có tu nhiều. Hiểu như thế này dễ khiến người tụng đọc Kinh sinh ra ngã mạn, mà ngã mạn là một trong sáu tâm bệnh nặng nhất của người tu, đó là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến.

Xin được ghi lại nơi đây câu chuyện của một nhà tu do tụng Kinh nhiều mà sinh ra ngã mạn:

Có một vị tăng tên là Pháp Đạt đi tu từ thuở mới lên 7 tuổi. Sư thường tụng Kinh Pháp Hoa. Một hôm sư đến

đánh lễ Lục Tổ Huệ Năng, quỳ cuối xuống lạy Tổ nhưng đầu không sát đất. Tổ thấy thế lấy làm lạ bèn quở rằng: “*Ông lễ lạy mà đầu không sát đất chi bằng dùng lạy là hơn. Trong tâm ông chắc có ẩn chứa sự nghiệp gì phải không?*”

Sư Pháp Đạt thưa: “*Tôi đã tụng được Kinh Pháp Hoa đến ba ngàn bộ*”.

Tổ bảo nếu ông tụng được đến muôn bộ và hiểu rõ lý của Kinh cũng như không còn chấp ngã để ngã mạn thì lúc đó ông mới bằng ta. Nếu không hiểu lý Kinh và vẫn còn chấp ngã tức là vẫn còn có tội chờ mong gì được phước đức. Tổ bảo: “*Hữu ngã tội tức sanh. Vong công phước vô tử*” nghĩa là: *Có ngã tội liền sanh. Quên công phước vô tử*.

Sư Pháp Đạt nghe Tổ quở như thế liền thức tỉnh, hối hận tạ lỗi thưa rằng con đã tụng Kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa Kinh, cuối mong Tổ chỉ dạy.

Tổ Huệ Năng dạy rằng: Nếu người tu khi tụng Kinh mà hiểu được nghĩa thì mới có thể nhờ Kinh để đi đến chân lý, tức tu theo lời dạy trong Kinh để đạt Đạo. Ngược lại, nếu tụng Kinh mà không hiểu nghĩa thì chỉ để Kinh làm cho người tụng mệt nhọc nhiều thêm thôi. Cứ tụng Kinh hoài mà không thấu được lý trong Kinh không khéo sẽ có nhiều hại hơn là lợi lạc. Tổ nói: “*Tụng Kinh cứu bất minh, dữ nghĩa tác thù gia*”. Nghĩa là: *Tụng lâu không rõ nghĩa, tụng nghĩa trở thành thù*.

Tóm lại, người tu khi tụng Kinh, điều quan trọng là phải hiểu rõ lý của Kinh. Chính lý của Kinh mới có thể dẫn dắt người tu từ bến mê đến bờ giác. Chính lý của Kinh hay chân lý trong Kinh mới thức tỉnh được con người, trị được tâm bệnh mà hầu hết người thế gian đều mắc phải.

B. KINH VÀ TÂM

NƯỜI THẾ GIAN CÓ HAI THỨ BỆNH: BỆNH THÂN VÀ BỆNH TÂM.

Bệnh về thân như nóng lạnh, nhức đầu v.v. và bệnh về tâm như phiền não, khổ đau, tham, sân, si v.v.

Khi bệnh thân, người ta phải đi đến bác sĩ. Bác sĩ cho toa về mua thuốc uống để trị. Còn bệnh về tâm thì phải nương vào Đạo, nhờ Kinh cơ để giải tỏa những phiền não khổ đau.

Dù biết vậy, nhưng nếu bệnh về thân, người bệnh đến bác sĩ cho toa rồi về không chịu mua thuốc uống mà cứ cầm cái toa ấy đọc hoài, đọc mãi đến thuộc lòng như thể làm sao hết bệnh được. Đọc thuộc lòng toa thuốc, dù đọc muôn ngàn lần, bệnh vẫn còn. Chỉ có theo toa mua thuốc uống thì bệnh mới hết được.

Cũng vậy, người đời phải nương theo Đạo, nương theo Kinh kệ để trị bệnh tâm. Phải biết Đạo, hiểu Kinh và tụng đọc Kinh thì mới mong trị lành tâm bệnh. Nói khác hơn, thuộc Kinh để đọc thôi chưa đủ, mà điều cần yếu là phải thấu hiểu được ý nghĩa của Kinh, chân lý chứa đựng trong Kinh, cái lý mà Kinh muốn dạy để từ đó ứng dụng tu hành hầu giải tỏa những vọng niệm, loạn tâm v.v. như thế mới mong phá được phiền não, giải được khổ đau để trị lành tâm bệnh.

Tóm lại, Kinh là khuôn vàng thước ngọc, nói hạnh

tốt, dạy hạnh lành, là biểu trưng của diệu dụng mà ta muốn làm theo. Kinh là lời chơn, lẽ thiện mà các Đấng Thiêng Liêng ban cho nhơn sanh để noi theo đó mà tu tập. Do đó, tụng Kinh trước nhất phải thấu hiểu ý nghĩa của Kinh, giáo lý thâm diệu trong Kinh mà các Đấng muốn truyền đạt. Nếu tụng Kinh mà chỉ chân quỳ tay chấp, không cần biết Kinh dạy phải làm gì, tâm phải hành như thế nào, vậy là không theo đúng Thánh ý của các Đấng Thiêng Liêng; Các Đấng ban cho nhơn sanh Kinh, cơ để noi theo đó mà tu. Điều quan trọng là người tu phải biết vận dụng Kinh, noi theo lời dạy trong Kinh để miệng tụng tâm hành. Thế mới đúng là tu tập. Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có nói: *“Người mê miệng đọc, người trí tâm hành”* và *“miệng tụng mà tâm chẳng hành như huyễn, như hóa, như sương, như điện chớp chớ không có thật. Miệng tụng mà tâm hành thì tâm miệng tương ứng, sẽ lần hồi thấy được Chơn Tâm, Tự Tánh.”*

C. TỤNG KINH HIẾU LÝ ĐỂ TU

NGƯỜI TU HẦU HẾT AI CŨNG BIẾT TU LÀ SỬA.
NHƯNG SỬA ĐÂY LÀ SỬA NHỮNG GÌ?

Đó là sửa những thói quen, tật xấu, tập khí ngàn đời mà ta đã huân tập qua nhiều căn kiếp, cũng như đã tạo ngay ở kiếp này. Các thói quen tật xấu đó đã bao phủ lấy ta, vây hãm ta. Chúng như cái vỏ cứng, như cái tháp ngà mà trong đó ta bị giam cầm mà hầu như không hề hay biết. Ta phải phá hủy, bẻ gãy tất cả những thói quen tật xấu đó vì chúng như bức tường rào, như cái nhà tù đã nhốt chặt ta. Ta bị giam hãm hoặc ngủ mê trong lầu ngục của thành kiến, của ngũ dục lạc, buồn đau hờn giận, tóm lại trong bốn bức tường của mê và chấp đã đem đến cho ta không biết bao nhiêu phiền não.

Dù biết vậy, nhưng thảng hoặc có người lại cho rằng họ vẫn hoan lạc chớ có buồn khổ gì đâu. nếu nghĩ như thế thì điều cần thấy là sự hoan lạc đó chỉ là hoan lạc của thế gian, của vô thường, có đó rồi mất đó. Càng chìm đắm trong mê lầm hoan lạc thế gian con người sẽ càng tạo nghiệp, mà như đã nói ở phần ngũ giới là nghiệp sẽ theo ta như bóng với hình trên bước đường luân hồi chuyển kiếp, vì khi ta chết đi rồi thì bao nhiêu hoan lạc, hình tướng thế gian ta sẽ bỏ lại tất cả, trừ nghiệp là vẫn không khi nào rời bỏ ta. Chính vì lý do này mà ta cần phải thức tỉnh hay giác ngộ. Thức tỉnh hay giác ngộ là đặc tính bản chất của Chơn Linh mà chỉ tại vì mê đắm, bị lớp bụi trần gian phủ mờ mà ta đã quên đi và hầu như đã đánh mất

do đó mới chìm nổi trong kiếp luân hồi.

Nói đến luân hồi, nói đến sự không thường hằng của kiếp sống tại thế gian, nhiều người bảo rằng nói như vậy chỉ cốt làm cho con người bi quan yếm thế và như vậy là không thực tế. Sự thật trái hẳn lại. Nếu biết được đời là vô thường như vậy ta mới thức tỉnh, nhận thấy được cái chân thường ở ngay trong ta. Đó là Chơn Tâm, là Phật Tánh, là Bản Lai Diện Mục của ta.

Chính cái lý vô thường này làm cho ta vui hơn, hoan hỉ hơn thay vì bi quan yếm thế. Thấy đời là vô thường tức ta thấy sự biến hóa hay tan hoại của tất cả ngã, tất cả pháp (sự vật) trên đời này. Nếu đời không vô thường, không biến hóa đổi thay thử hỏi làm sao đứa bé lớn lên được. Nếu nó cứ thường hằng như vậy thì đứa bé sẽ bé hoài làm sao thay đổi để trưởng thành. Nếu mọi pháp trên thế gian không vô thường mà cứ thường hằng mãi mãi như vậy thì thử hỏi làm sao các chế độ độc tài chuyên chế chuyển đổi được để trở thành dân chủ tự do. Chính sự vô thường, thay đổi, biến hóa, mà một khi thấu hiểu được, sẽ làm cho con người hoan hỉ và hạnh phúc nhiều hơn, vì điều mà bất cứ ai sống trên đời cũng mong chờ là sự biến đổi để đưa con người càng ngày càng hạnh phúc, một khi con người đã nhận thấy được chân thường và nương theo đó mà tu tập.

Mục đích của tu tập là gì mà bảo tu là sửa?

Trước tiên, tu là làm sao cho cuộc đời càng ngày càng đẹp đẽ hơn, dễ chịu hơn và hạnh phúc hơn không những cho riêng mình, gia đình mình mà cũng cho tất cả mọi người. Phát triển cái khả năng có hạnh phúc của mình, cái khả năng đem lại hạnh phúc cho mọi người đó là một

trong những mục đích của việc tu tập. Người càng tu, thấy được đâu là hạnh phúc chân thường không bao giờ biến hoại, khác hẳn với hạnh phúc vô thường có đó rồi mất đó, người tu đó sẽ có khả năng tạo hạnh phúc cho mình và cho tất cả mọi người. Nếu tu mà không thấy có hoan hỷ, có hạnh phúc thì thôi còn tu để làm gì. Thử cứ nhìn hình tượng các Đấng mà ta tôn thờ, nhất là hình ảnh của Đức Phật Thích Ca, ta thấy hình ảnh của các Đấng đều an nhàn tự tại, Đức Phật Thích Ca thì luôn luôn vẫn cười, một nụ cười êm đềm, nhẹ nhàng, hồn nhiên của hạnh phúc chân thường chớ không phải nụ cười to tiếng hay toe toét của người thế gian một khi đã đạt được khoái lạc hồng trần.

Nói tóm lại, muốn tránh được phiền não khổ đau và đạt được hạnh phúc vĩnh hằng, con người cần phải tu. Muốn tu, con người phải trông cậy vào Kinh, Cơ, Luật, luận để cầu lý. Muốn thấy lý của Kinh thì phải hiểu Kinh phải biết coi Kinh có mục đích dạy những gì để nương theo đó mà luyện tâm, rồi miệng tụng tâm hành chớ không thể tụng đọc thuộc lòng như để cho các Đấng Thiêng Liêng nghe. Các Đấng Thiêng Liêng ban cho Kinh, các Đấng đã biết hết rồi không có ý để nghe tụng đọc lại. Điều các Đấng chờ đợi là người tu thấy được lý của Kinh để nương theo lý này mà tu tập. Kinh là phương tiện, Kinh chỉ cho thấy được Chân Lý tức là Đạo giống như chiếc bè dùng để sang sông mà đến bên kia bờ giác vậy.

Người tu phải nhờ Kinh, phải hiểu lý Kinh rồi tụng Kinh với hạnh miệng tụng tâm hành để tu, để tự cứu lấy mình và phổ độ bao nhiêu người khác nếu có thể. Chớ người tu không thể tụng Kinh mà chẳng hiểu Kinh dạy gì, và tụng đọc chỉ để thỉnh cầu van xin, như vậy có được

phước cũng chỉ phần nào thôi.

Nếu con người vẫn cứ ham muốn, thèm khát, tham dục, chạy theo trần cảnh làm cho tâm tán loạn; nếu con người thiếu tình thương, thiếu từ tâm, không chịu tu thân, tu giới, tu tâm, thân cứ làm ác, tâm cứ tham, sân, si, giới luật chẳng giữ gìn, đó là mình đã tự tạo phiền não khổ đau cho mình, như thế phải nhờ Kinh khai thị tức mở bày ra cho thấy thiện chơn, thiên lý để rồi theo lý của Kinh mà đổi vọng thành chơn, vô minh thành trí tuệ, phá mê, phá chấp để ngộ nhập.

Nói rõ hơn, tụng Kinh là phải làm sao cho ý nghĩa của lời Kinh thấm vào trong lòng mình. Phải để ý tới chân lý trong Kinh để lời Kinh được đi vào tâm làm cho những hạt giống thiện lành, những hạt giống tuệ giác, những chủng tử của trí tuệ và giác ngộ được tưới tẩm bởi lời Kinh. Tụng Kinh câu lý ngoài việc hiểu lý của Kinh còn phải tụng với niệm lực và định lực để ý tới lời Kinh, để hết tâm vào lời Kinh từ đó lời Kinh có thể làm cho ta bừng tỉnh ngộ nhập. Phải làm sao cho tâm ta như những thửa ruộng mênh mông mà lời Kinh như là những trận mưa rào giáo pháp. Nói khác hơn, phải hiểu lý Kinh để khai mở trí huệ khi tụng Kinh để lời Kinh càng mở mang tuệ giác. Đọc Kinh, tụng Kinh như thế mới đúng là đọc tụng để tu.

Khi tụng Kinh, người tụng đọc đi đọc lại những câu văn mang đến lời hay lẽ phải, lời thiện lẽ chơn, và hơn thế nữa Kinh còn diễn tả con đường để đi đến đạt Đạo, con đường dẫn đến Chân Lý và ngay cả Chân Lý. Nhờ tụng Kinh, nghe Kinh hay giáo lý, người tu sẽ lần hồi nhớ lại con người chân thật của mình vốn dĩ thiện lành, từ tâm,

từ ái, luôn luôn mong cầu tự giác và được hành hạnh phổ độ tức giác tha. Đó là nhờ lời Kinh hay giáo lý tụng đọc hoặc lắng nghe đã nhắc lại cho người tụng đọc hay người nghe nhớ lại bản tính, trí huệ mà con người mình có sẵn từ lâu nhưng lại che giấu bởi lớp bụi trần.

Khi tụng Kinh, người tụng Kinh sẽ cảm thấy được một cảm giác sâu xa về những gì thân thích, quen thuộc với mình, đã có sẵn trong con người mình nhưng bị vọng trần đè nén từ lâu, giờ nay Kinh sẽ làm cho những cảm giác ấy chậm chậm thức giấc và sống dậy, dẫn người tu từ từ trở về con đường đạo lý, đó là đường tu, cách tu để siêu thăng hay giải thoát qua hạnh lễ bái, Kinh kệ, để kiến tánh minh tâm.

Hơn thế nữa, càng lễ bái tụng Kinh, có nghĩa càng để tâm lắng nghe thật sự những gì do Kinh dạy, người tu chỉ còn nhớ lời Kinh mà lần hồi buông bỏ và quên đi bao nhiêu vọng niệm, vọng tâm, vọng thức, những thứ từ lâu do vọng trần từ bên ngoài và tư kiến, định kiến, thành kiến từ bên trong đã dón vào chông chắt và độn ngay đầu óc con người. Chúng là những trở ngại, mà người đời gọi là lớp bụi trần gian, đã thực sự ngăn che con người với bản tính chân, thiện, mỹ tự nhiên và thiên nhiên trở về với Đạo. Tụng Kinh, nghe Kinh, người tu nhớ lời Kinh, chân lý phô bày sự thật từ lời Kinh mang đến, do đó người tu sẽ lần hồi buông bỏ được những gì do phàm tánh hay thú tánh gây nên. Người tu sẽ lần hồi buông bỏ được cái ta, cái ngã, huyễn hóa, đó tức là lần hồi rời xa chấp ngã. Người tu trước nhất nhờ giữ giới, rời xa được chấp ngôn, rồi nhờ gỡ bỏ tụng Kinh, lắng nghe Kinh kệ, lắng nghe giáo lý lần lần rời xa được chấp ngã. Một khi

đã rời được chấp ngôn, rời xa chấp ngã thì con đường trở về “*cảnh nhàn buổi xưa*” (theo Kinh Đại Tường) sẽ không còn xa nữa. Người tu sẽ tiến lần gần hơn đến chốn quê xưa cảnh cũ và sẽ hoàn toàn đến nơi khi chấp ngã, chấp pháp không còn, đó cũng là nhờ Chân Lý, giáo lý từ trong Kinh kệ mà có được.

Tóm lại, nếu mọi người đều hiểu rằng tụng Kinh là có phước, điều đó đúng không sai. Nhưng phước không chưa đủ, cần phải có tuệ tức huệ. Tụng Kinh mà hiểu được lý của Kinh, tụng với niệm lực và định lực tức là tụng với trí tuệ để phát huệ nhằm khoát khỏi luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, đó mới đúng là mục đích tối hậu của đạo hạnh tụng Kinh.

Đó là Phước Huệ song tu.

HT. Lê văn Thâm (tự BẠCH-Y) ■

TỤNG KINH CẦU LÝ

SỌAN GIÁ: BẠCH Y

